

Bản án số: 97/2017/DS-PT

Ngày: 10/7/2017

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mượn
tài sản (tiền)*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Minh Thủ**

Ông **Nguyễn Văn Ngọt**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Nguyễn Văn Sạch**, Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong 10 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 45/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản (tiền)*".

Do bản dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST, ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông **Nguyễn Vĩnh P**, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1995. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Xuân H**. (Có mặt)

Địa chỉ: Cửa hàng xe gắn máy M, Đường L, phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc S là cháu của vợ anh Nguyễn Văn T, phụ giúp việc nhà cho anh T. Anh S có hỏi mượn anh T số tiền là 46.500.000 đồng để mua xe và Anh S sẽ trả dần vào tiền lương làm công cho anh T. Anh T đồng ý, vì nghĩ đến mối quan hệ dưỡng cháu và thấy Anh S cần có phương tiện đi lại với điều kiện là để anh T đứng tên xe, khi nào Anh S trả hết tiền thì sẽ sang tên cho anh T.

Ngày 08/4/2016 anh T với Anh S đến cửa hàng xe gắn máy M tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150, màu trắng – đỏ với số tiền 46.500.000 đồng, xuất hóa đơn giá bán hàng là 43.000.000 đồng, anh T là người trực tiếp thanh toán tiền. Do Anh S năn nỉ anh T cho Anh S đứng tên xe, nên anh T đưa cho Anh S hóa đơn mua bán xe, để Anh S làm thủ tục đứng tên xe.

Sau đó anh T có yêu cầu Anh S làm việc để trừ tiền mua xe thì Anh S nói rằng anh là người trực tiếp mua xe và số tiền đó là của Anh S.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả lại số tiền đã mượn là 46.500.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Anh không có mượn tiền của anh T. Anh S chở anh T đi thành phố Sóc Trăng để mua xe, do số tiền đem theo nhiều, sợ rớt mất nên Anh S mới nhờ anh T giữ giùm. Lúc đến cửa hàng xe gắn máy M và khi lựa được xe xong anh T lấy tiền ra thanh toán giùm cho Anh S. Anh S cho rằng vào ngày 28/8/2016 anh có ghi âm cuộc nói chuyện của anh T với gia đình anh, có nội dung là anh T nói gia đình Anh S không thiếu nợ và Anh S không làm thuê cho gia đình anh T. Nên Anh S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Người làm chứng ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông là người bán xe cho cửa hàng xe M, anh T và Anh S có đến cửa hàng mua xe. Anh S là người đứng tên xe, anh T trực tiếp trả tiền mua xe là 46.500.000 đồng, nhưng xuất hóa đơn là 43.000.000 đồng, còn số tiền này của ai thì ông không biết, ông cũng không nghe anh T và Anh S thỏa thuận gì về số tiền này và ai được đứng tên mua xe.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, giải quyết như sau:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Ngọc S trả số tiền mượn là 46.500.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm đồng).

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/4/2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST, ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh P thì thấy: Vào ngày 08/4/2016 Anh S và anh T có đến cửa hàng xe gắn máy M tọa lạc tại phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để Anh S mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150, màu trắng - đỏ với số tiền 46.500.000 đồng, khi xuất hóa đơn là 43.000.000 đồng, anh T là người trực tiếp trả tiền, sự việc này được các bên đều thừa nhận và người làm chứng Nguyễn Xuân H xác nhận anh Nguyễn Văn T là người trực tiếp trả số tiền 46.500.000đ, nên đây là tình tiết các đương sự không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn cho rằng, số tiền mua xe 46.500.000 là của nguyên đơn cho bị đơn mượn để mua xe và sẽ được thanh toán vào số tiền lương làm công của bị đơn cho nguyên đơn. Sự việc này bị đơn không thừa nhận, bị đơn cho rằng số tiền 46.500.000đ bị đơn có được là do bị đơn dành dụm mà có và cha của bị đơn cho thêm mới đủ tiền mua xe Exciter. Ngoài ra, khi chuẩn bị đi mua xe ông T mới có ý

định mua thêm một chiếc nữa cho ông T, nhưng vợ ông T không đồng ý, nên ông T mới kêu bị đơn đi ra thị trấn H, huyện M trước. Sau đó bị đơn và nguyên đơn gặp nhau tại thị trấn H, nguyên đơn gọi xe của nguyên đơn tại tiệm trà sữa, sau đó bị đơn chở nguyên đơn đi thành phố S để mua xe, do số tiền đem theo nhiều, bị đơn sợ rút mất nên bị đơn nhờ nguyên đơn giữ dùm. Lúc đến cửa hàng xe gắn máy M và lựa xe xong, thì nguyên đơn mới thanh toán tiền dùm bị đơn, số tiền nguyên đơn thanh toán là 46.500.000đ là của bị đơn đưa cho nguyên đơn chứ không phải của nguyên đơn. Từ trước đến nay bị đơn không có làm thuê cho gia đình nguyên đơn, chỉ khi gia đình nguyên đơn có việc cần giúp thì bị đơn phụ tiếp, do hai gia đình ở gần nhau.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/8/2016, tại công an xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị đơn Nguyễn Ngọc S khai: “ Vào khoảng tháng 04 năm 2016 tôi có hẹn dựng T đi mua xe ở Sóc Trăng, người đi trước, người đi sau. Sau đó tới Sóc Trăng gặp nhau và đến cửa hàng M ở Sóc Trăng đo giá xe, tôi đo nhiều chỗ ở Sóc Trăng nhưng chênh lệch hơn 01 triệu đồng nên tôi quay lại M mua xe Exciter màu trắng – đỏ giá 45.500.000đ, trả bằng loại tiền 500.000đ, tổng cộng 91 tờ....Tôi bao xe chạy từ lâu nhưng xin tiền mua xe cha mẹ không cho, nên tôi mới nuôi heo để kiếm tiền mua xe, khi mua xe về gia đình mới biết, còn mẹ tôi cho 02 chỉ vàng để làm giấy tờ xe, tôi chỉ bán 0,5 chỉ, còn 1,5 chỉ trả lại cho mẹ tôi ”.

Như vậy, bị đơn cho rằng đã gửi tiền cho nguyên đơn tại thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng trước thời điểm đi thành phố S để mua xe thì bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh, để khẳng định lời trình bày của bị đơn là có căn cứ. Cho nên nghĩa vụ chứng minh trong trường hợp này là của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc gửi số tiền 46.500.000đ để mua xe. Trong quá trình giải quyết tại toà án cấp sơ thẩm, cũng như trong giai đoạn phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh số tiền 46.500.000đ là của bị đơn gửi cho nguyên đơn giữ dùm để trả tiền mua xe. Lời khai của bị đơn bất nhất, không logic, mâu thuẫn, tại cơ quan công an xã H, huyện M khai mua xe 45.500.000đ, cha mẹ không biết việc mua xe, đi thẳng lên Sóc Trăng gặp nhau tại cửa hàng xe M. Tại toà án cấp sơ thẩm lại khai số tiền có được là do bị đơn nuôi heo dành dụm và cha của bị đơn cho, trước khi đi mua xe hẹn gặp nhau tại thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, gửi tiền cho ông T giữ dùm,...Đối chiếu các sự việc thành râu chuỗi thì hoàn toàn mâu thuẫn không thống nhất. Do đó xem xét tất cả các lời trình bày này của bị đơn là không có căn cứ.

[3] Đồng thời tại biên bản đối chất ngày 05/12/2016 thì ông Nguyễn Xuân H là người trực tiếp bán xe cũng đã khẳng định "*Tiền mua xe là của ai thì tôi không biết, nhưng khi trả tiền mua xe là ông Nguyễn Văn T lấy từ trong túi xách của ông T ra, loại tiền 200.000đ. Do sắp tới, hết giờ làm việc cho nên tôi yêu cầu ông T trả loại tiền 500.000đ*". Như vậy, ông H là người trực tiếp bán xe cũng không biết số tiền này là của ai, mà chỉ xác nhận số tiền mua xe này ông T là người trả tiền. Trong khi đó nguyên đơn là người trực tiếp trả số tiền 46.500.000đ để mua chiếc xe mô nhĩn

hiệu Exciter 150, màu trắng - đỏ mua ngày 08/4/2016 và cho bị đơn đứng tên chủ sở hữu, thoã thuận cho bị đơn trả dần mỗi tháng. Cấp sơ thẩm nhận định cho rằng ông Nguyễn Văn T không chứng minh được số tiền mua xe là của nguyên đơn T. Thấy rằng, số tiền 46.500.000đ ông T lấy ra từ trong túi xách của ông để trả tiền mua xe thì rõ ràng không cần phải chứng minh tiền đó là của ai, sự thật này ông T không phải chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do vậy, mặc dù giấy tờ mua xe khi xuất hoá đơn và bị đơn đứng tên chủ sở hữu chiếc Exciter 150, màu trắng - đỏ, điều đó không có nghĩa là tiền mua xe này là của bị đơn.

Từ những phân tích trên, khẳng định kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST, ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc S hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền 46.500.000đ.

Do kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn được chấp nhận, cho nên người được uỷ quyền của nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P, sửa bản án dân sự sơ thẩm 07/2017/DS-ST, ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng về việc "Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T với bị đơn ông Nguyễn Ngọc S.

Phản tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T. Buộc ông Nguyễn Ngọc S trả số tiền mượn là 46.500.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm đồng) cho ông Nguyễn Văn T.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S phải chịu 2.325.000đ.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 1.162.500đ cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0001928 ngày 10/10/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P không phải chịu. Ông P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0004323, ngày 27/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THA huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Nguyễn Văn Dũ